TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2020/HNGĐ-PT Ngày 16 tháng 12 năm 2020 *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh;

Trần Văn Chinh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Minh Sự, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1984.(Có mặt);
- *Bị đơn:* Anh Ma Công P, sinh năm 1984. (Có mặt).

Cùng HKTT: Xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Cùng đăng ký tạm trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Ma Công P: Luật sư Nguyễn Hào H, Luật sư Nguyễn Duy M và Luật sư Trịnh Thị H - Công ty luật TNHH H - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Ls Nguyễn Hào H và Ls Nguyễn Duy M vắng mặt; Ls Trịnh Thị H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Chị và anh Ma Công P kết hôn năm 2007, việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng gia đình

anh P tại Thái Nguyên. Năm 2012, anh chị chuyển về Bắc Ninh sinh sống để tiện cho công việc vì anh chị đều làm tại khu công nghiệp T, Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P hay uống rượu say rồi đánh chửi chị, đã nhiều lần anh đánh chị phải đi viện. Nếu chị trốn tránh không đánh được thì anh P đập phá đồ đạc trong nhà. Năm 2017, anh P đã quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi chị yêu cầu anh P phải chấm dứt quan hệ bất chính để đảm bảo ổn định cuộc sống của gia đình nhưng anh P không tiếp thu mà vẫn tiếp tục quan hệ bất chính và đuổi chị ra khỏi nhà trọ, sau đó đưa người phụ nữ khác về ở. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh P nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Ma Công H, sinh ngày 08/9/2008 và Ma Công H1, sinh ngày 23/10/2017. Từ khi anh P đuổi chị ra khỏi nhà, hai cháu vẫn ở với anh P, anh không cho chị gặp con. Nhiều lần anh P đi chơi thâu đêm, chị đến đón các con về ngủ cùng, hôm sau anh P chửi mắng chị và đánh đập các con, cấm các con không được gặp mẹ, nếu gặp sẽ giết nên các cháu rất sợ. Hiện tại, anh P đưa cháu H về Đ, Thái Nguyên ở với ông bà nội và vẫn không cho chị gặp con. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm việc tại công ty cổ phần ACECOOK khu công nghiệp Tiên Sơn, thuộc địa phận xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, mức thu nhập của chị 8.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, công sức, công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Ma Công P xác nhận phần kết hôn và con chung như chị T khai và trình bày: Anh và chị T chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị hay bất đồng, dễ va chạm. Mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai cháu, vì thu nhập của anh từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng, cao hơn chị T, từ khi ly thân tới nay các cháu vẫn do anh chăm sóc và anh không muốn chia tách các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 39, 147, 239, 243, 247, 248, 249, 254, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Ma Công P.

2. Về con chung: Giao con Ma Công H, sinh ngày 08/9/2008 cho anh Pha chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Ma Công H1, sinh ngày 23/10/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Anh, chị được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, anh Ma Công P kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm giao con chung là Ma Công H1 cho chị T nuôi dưỡng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử cho anh được nuôi cả hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Hiện nay chị đang làm tại khu công nghiệp Tiên Sơn thuộc địa bàn xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, thu nhập 8.000.000đ/tháng. Chị thuê 01 nhà trọ 20m^2, mỗi tháng 1.200.000 đồng tại xã H để ở một mình (chị xuất trình văn bản thuê nhà có xác nhận của chủ nhà và địa phương). Nếu được nuôi cháu H, chị sẽ đón mẹ chị xuống để hỗ trợ chị chăm sóc cháu H, chị có đủ điều kiện để nuôi 01 con chung. Kể từ khi chị và anh P ly thân cho tới nay, chị rất muốn thăm con và thương con, nhưng anh P cấm đoán không cho chị thăm con, chị gửi quần áo cho con, anh P cũng vứt vào sọt rác, dọa nạt các con không cho gặp mẹ. Khi chị gặp cháu H1, cháu còn bảo mẹ về đi, có camera đấy, bố biết sẽ đánh các con, nên các cháu rất sợ. Sau khi xét xử sơ thẩm, vì Tòa sơ thẩm giao cháu H cho chị nuôi nên chị đã đưa cháu về quê chị, đăng ký tạm trú cho cháu và cho cháu theo học tại trường mầm non xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, nhưng anh P đã đến trường mang cháu đi, mặc dù đã được nhà trường và gia đình ngăn cản nhưng anh P nói mình là bố cháu và vẫn kiên quyết mang cháu đi, trong khi không được sự đồng ý của chị và chị cũng không được biết. Anh P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P cho rằng chị bỏ mặc con là không đúng sự thật, chị không thường xuyên gặp được con là do anh P không cho các con gặp mẹ. Chị khẳng định nếu mang cháu H đến Tòa, để cháu đứng giữa chị và anh P thì chắc chắn cháu sẽ chạy về phía chị. Nay, anh P yêu cầu nuôi cả hai con chung, chị không đồng ý, chị đề nghị Tòa án xử cho chị được nuôi cháu H, vì cháu vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Nếu được nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Bị đơn là anh Ma Công P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P trình bày: Hiện tại anh P làm việc tại công ty bao bì A có địa chỉ: Phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, anh làm việc 08 tiếng trong giờ hành chính, tổng thu nhập của anh là 18.000.000đ/tháng. Anh P đang thuê một ngôi nhà cấp 4 rộng dãi ở thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh gần nơi anh làm việc. Hàng ngày, anh P vẫn tự đưa đón các con đi học, nếu cần thiết anh P sẽ đón mẹ anh xuống để hỗ trợ anh trông nom các cháu. Kể từ khi anh và chị T ly thân tháng 6/2019 cho tới nay, các cháu vẫn do anh trực tiếp nuôi dưỡng, sức khỏe các cháu tốt và đang học ở xã H ổn định. Chị T không quan tâm đến các cháu. Hiện tại, mức thu nhập của chị T chỉ 4.700.000đ/tháng, không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, anh P đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi

hai con chung. Nếu được nuôi dưỡng hai cháu, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh P nhất trí với trình bày của Luật sư.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Ma Công P, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Anh Ma Công P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của anh Ma Công P trong thời hạn luật định nên được Tòa án xem xét.

[1.2] Luật sư Nguyễn Hào H và Luật sư Nguyễn Duy Mh vắng mặt tại phiên tòa; Luật sư Trịnh Thị Hiền có mặt tại phiên tòa.

Tại Điều 3 Quyết định số: 38/QĐ/2020-HTLF ngày 10/8/2020 của Công ty luật TNHH H-Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội về việc cử Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Ma Công P có ghi: "Trong trường hợp các Luật sư không tham gia đầy đủ thì Luật sư có mặt có quyền quyết định toàn bộ nội dung liên quan trong vụ án". Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Luật sư Nguyễn Hào H và Luật sư Nguyễn Duy M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T kết hôn với anh Ma Công P vào năm 2007, có tuân theo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng gia đình anh P tại Thái Nguyên. Năm 2012, anh chị chuyển về nơi cùng làm việc tại khu công nghiệp huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và chị T cho rằng anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay, cả hai đều xác định tình cảm không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P; các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên quyết định của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là Ma Công H, sinh ngày 08/9/2008 và Ma Công H1, sinh ngày 23/10/2017. Từ khi ly thân cho tới nay, hai cháu vẫn ở với anh P; chị T đón cháu H về nuôi dưỡng, nhưng anh P lại

đến đưa cháu H về ở với anh. Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cháu H, anh P đề nghị được nuôi cả hai cháu; cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại, chị T và anh P đều đang làm việc tại công ty, thuê nhà ở riêng gần nơi làm việc và có mức thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Như vậy, chị T và anh P đều có đủ điều kiện để nuôi con. Cấp sơ thẩm giao cho chị T, anh P mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp với pháp luật và thực tế, đảm bảo được lợi ích về mọi mặt của các con và quyền nuôi con của các đương sự. Anh P kháng cáo yêu cầu được nuôi cả hai con chung vì cho rằng mình có mức thu nhập cao hơn chị T và chị T không quan tâm đến các con là không có căn cứ để chấp nhận. Quyết định của Bản án sơ thẩm về con chung cần được giữ nguyên.

[2.3] Về tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Ma Công P không được chấp nhận. Vì vậy, anh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ma Công P, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 29/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên, tỉnh Bắc Ninh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Ma Công P.

2. Về con chung: Giao con chung Ma Công H, sinh ngày 08/9/2008 cho anh Ma Công P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Ma Công H1, sinh ngày 23/10/2017 cho chị Dương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh P, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0000230 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

3.2. Án phí phúc thẩm: Anh Ma Công P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh P đã nộp theo biên lai thu số: AA/20190002538 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp